TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ -PT
Ngày: 03-4-2018
"V/v tranh chấp nợ chung và yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Trương Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sự - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 3 và ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2017/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp nợ chung, yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Dò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thúy D, sinh naêm 1973; cư trú tại: Khu phố R, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của chị D: Anh Đặng Tấn L, sinh năm: 1975; cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 11-4-2017); có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Anh Hồ Hải Đ, sinh năm 1971;

2. Chị Đỗ Thị Thanh T, sinh năm: 1980; cùng cư trú tại: Khu phố T, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện hợp pháp của anh Đ, chị T: Anh Trần Vi Anh T2, sinh năm: 1973; cư trú tại: Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2016 và ngày 09/02/2017); có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đỗ Quốc T3, sinh năm: 1995;

2. Chị Đỗ Thị Hoàng Y, sinh năm: 1987, cư trú tại: Khu phố T, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của anh T3 và chị Y: Anh Trần Vi Anh T2 (theo văn bản ủy quyền ngày 09/02/2017); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thị Thanh T là bị đơn; anh Đỗ Quốc T3, chị Đỗ Thị Hoàng Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12 tháng 01 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Võ Thúy D trình bày:

Do hai bên quen biết nhau, vào ngày 01-11-2016 (AL) anh Đ có hỏi vay của chị số tiền 400.000.000 đồng để buôn bán, nhưng chị không đủ tiền, anh Đ nói có bao nhiêu lấy bấy nhiêu và chị đã gom góp cho anh Đ vay số tiền 374.460.000 đồng. Anh Đ hỏi vay trong thời hạn 10 ngày nên không làm giấy nợ, không thỏa thuận lãi suất, nhưng anh Đ có nói khi nào trả vốn tính luôn lãi. Đến hạn, anh Đ không trả nợ nên chị kêu anh Đ làm giấy mượn tiền ngày 15-11-2016 (AL), anh Đ ký tên lăn tay. Kể từ khi làm giấy mượn tiền anh Đ cũng không trả nợ và né tránh chị. Nay chị yêu cầu anh Đ và chị T trả số tiền gốc là 374.460.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Chị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng

Đồng thời, chị yêu cầu Tòa án tuyên bố các hợp đồng sau đây vô hiệu:

1. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4091, quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16-11-2016, giữa anh Đ và chị T với chị Đỗ Thị Hoàng Y, đối với phần đất có diện tích 220,6 m^2, thửa số 285, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại: Khu phố T, thị trấn G, huyện G; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 593738 vào sổ cấp giấy số CH00916(CN) do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 03-10-2011 do anh Đ và chị T đứng tên. Giá chuyển nhượng 30 triệu đồng.

2. Hợp đồng chuyển nhượng số 4090, quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16-11-2016, giữa anh Đ và chị T với anh Đỗ Quốc T3, đối với phần đất có diện tích 122,9 m^2, thửa số 286, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại: Khu phố T, thị trấn G, huyện G; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 593738 vào sổ cấp giấy số CH00916(CN) do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 03-10-2011 do anh Đ và chị T đứng tên. Giá chuyển nhượng 20 triệu đồng.

3. Hợp đồng chuyển nhượng số 4089, quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/11/2016, giữa anh Đ và chị T với anh Đỗ Quốc T3, đối với phần đất có diện tích 359,2 m^2, thửa số 265, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại: Khu phố T, thị trấn G, huyện G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE 130394 vào sổ cấp giấy số CH00640(CN) do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 21/3/2011 do anh Đ và chị T đứng tên. Giá chuyển nhượng 20 triệu đồng.

4. Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng số 4092, quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16-11-2016, giữa anh Đ với chị T, đối với phần đất có diện tích 227 m^2, thửa số 227, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại: Khu phố T, thị trấn G, huyện G; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 593738 vào sổ cấp giấy số CH00916(CN) do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 03-10-2011 do anh Đ và chị T đứng tên. Theo văn bản thỏa thuận giao toàn bộ phần đất trên cho chị T.

Lý do yêu cầu: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vợ chồng anh Đ, chị T đã thừa nhận còn nợ chị số tiền số tiền 374.460.000 đồng, Tòa án có lập biên bản hòa giải thành nhưng sau đó chị T thay đổi ý kiến và cho rằng đây là nợ riêng của anh Đ. Sau đó, chị phát hiện chị T và anh Đ đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hai người em ruột của chị T là anh T3 và chị Y, giá đất mà các bên chuyển nhượng là quá thấp so với giá thị trường; đồng thời, anh Đ chị T thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng, giao tài sản cho một mình chị T được hưởng là có dấu hiệu né tránh, tẩu tán tài sản, các giao dịch trên là giả tạo nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị. Hiện tại chị T và anh Đ vẫn đang sử dụng toàn bộ các tải sản trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 12 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thị Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của anh Đ, chị T trình bày:

Anh Đ, chị T chị xác nhận có nợ chị D số tiền 379.460.000 đồng và đồng ý trả cho chị D số tiền nêu trên. Tòa án lập biên bản hòa giải thành.

Ngày 26-12-2016, chị T thay đổi ý kiến cho rằng khoản nợ nói trên là nợ riêng của anh Đ, không phải nợ chung của vợ chồng.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T trình bày: Anh Đ vay tiền của chị D làm gì chị T hoàn toàn không biết, chị cũng không ký tên vào giấy nợ, hơn nữa thời điểm anh Đ vay tiền, chị T và anh Đ đã sống ly thân. Do đó chị T không đồng ý cùng với anh Đ trả số nợ trên.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đ trình bày: Từ ngày 01-11 đến 11-11-2016 (AL) anh Đ có vay tiền của chị D nhưng đã trả xong cho chị D, không nhớ rõ vay số tiền bao nhiêu. Khi vay không viết giấy nợ còn khi trả không biết có giấy tờ gì không. Riêng ngày 15-11-2016 âm lịch, anh Đ có vay của chị D số tiền 370.000.000 đồng, có viết giấy nợ do chị D giữ, thời hạn 10 ngày trả, đối với số tiền nợ này chưa đến hạn trả và chưa vi phạm hợp đồng nhưng chị D khởi kiện là không đúng, đồng thời đây là nợ riêng của anh Đ, mục đích vay để mua đất ở ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, hai bên chỉ mua bán bằng giấy tay chưa làm thủ tục chuyển nhượng.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đ và chị T trình bày: Anh Đ, chị T có ký 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Anh T và 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chị Y; có thỏa thuận về việc chia tài sản chung của vợ chồng đúng như chị D trình bày. Tuy nhiên, anh không chấp nhận tuyên bố các giao dịch trên là vô hiệu theo yêu cầu của chị D với lý do:

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chị Y, hai bên đã giao dịch mua bán từ ngày 20-10-2015, có làm giấy tay, giá chuyển nhượng là 230 triệu đồng, chị Y đưa trước cho vợ chồng chị T, anh Đ 200 triệu đồng (có giấy giao nhận tiền cùng ngày 20-10-2015), phần còn lại thỏa thuận khi nào làm thủ tục chuyển nhượng xong chị Y sẽ trả hết. Cùng ngày 20-10-2015, vợ chồng chị Y đã nhận đất và cất nhà tạm, sử dụng toàn bộ phần đất cho đến nay.

Đối với 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Anh T3, hai bên mua bán vào ngày 15-12-2015, có làm giấy tay sang nhượng. Hai phần đất liền ranh nhau, diện tích khoảng 400 m^2, giá chuyển nhượng là 170.000.000 đồng/2 phần. Anh T3 đưa trước 100.000.000 đồng. Phần còn lại hai bên thỏa thuận khi nào làm thủ tục chuyển nhượng Anh T3 trả hết. Chị T, anh Đ giao đất ngay cho Anh T3. Trên phần đất phía trước, Anh T3 làm 01 căn nhà để xe ô tô, còn phần đất sau Anh T3 xây 01 chuồng heo và sử dụng đất cho đến nay.

Ngày 16-11-2016, giữa anh Đ, chị T và anh T3, chị Y ký hợp đồng chuyển nhượng theo quy định, anh T3 và chị Y đã trả đủ tiền.

Đối với phần đất anh Đ thống nhất giao cho chị T theo văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng anh Đ, chị T chung sống không còn hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 6-2015, vì con cái nên anh chị chưa ly hôn. Do đó, anh Đ, chị T tự phân chia tài sản chung của vợ chồng. Cụ thể, các phần đất chuyển nhượng cho chị Y và Anh T là chia cho anh Đ, anh Đ lấy tiền mua đất tại Huyện D (chỉ mới làm giấy tay chưa ra công chứng cũng như anh Đ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) do anh Đ mua đất này của chị T1 ở ấp P, xã S, Huyện D vào khoảng tháng 01, 02-2016 với giá khoảng 600.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Quốc T3, chị Đỗ Thị Hoàng Y trình bày:

Anh, chị là em ruột của chị T, thống nhất lời trình bày của chị T, anh Đ đối với hợp đồng chuyển nhượng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Anh T3 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chị Y. Không đồng ý theo yêu cầu của chị D. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, anh chị không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, sau này nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại bản án số 82/2017/HNGĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, Điều 161, Điều 165, Điều 217, Điều 219 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 129, Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005,

Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" của chị Võ Thúy D đối với anh Hồ Hải Đ và chị Đỗ Thị Thanh T.

Buộc anh Hồ Hải Đ và chị Đỗ Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thúy D số tiền 374.460.000 đồng.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ và chị T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh Đ và chị T còn phải trả cho chị D số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị D đối với số tiền 5.000.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và văn bản thỏa thuận chia tài sản chung vô hiệu của chị D đối với anh Đ, chị T.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/11/2016 giữa anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thị Thanh T với chị Đỗ Thị Hoàng Y đối với phần đất có diện tích 220,6 m^2 (ODT: 50 m^2, đất CLN: 170,6 m^2) thuộc thửa số 285, tờ bản đồ số 10 vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/11/2016 giữa anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thị Thanh T với anh Đỗ Quốc T3 đối với phần đất có diện tích 122,9 m^2 (đất ODT: 50 m^2, đất CLN: 72,9 m^2), thửa số 286, tờ bản đồ số 10 vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/11/2016 giữa anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thị Thanh T với anh Đỗ Quốc T3 đối với phần đất có diện tích 359,2 m^2 (đất LUC: 359,2 m^2), thuộc thửa số 265, tờ bản đồ số 10 vô hiệu.

Tuyên bố văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng ngày 16/11/2016 giữa anh Hồ Hải Đ với chị Đỗ Thị Thanh T đối với phần đất có diện tích 227 m^2 (đất ODT: 100 m^2, đất CLN: 127 m^2), thửa số 227, tờ bản đồ số 10 vô hiệu.

4. Về chi phí tố tụng:

Buộc anh Hồ Hải Đ và chị Đỗ Thị Thanh T chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí đo đạc định giá tài sản để trả lại cho chị Võ Thúy D.

Buộc anh Hồ Hải Đ và chị Đỗ Thị Thanh T chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí giám định. Ghi nhận anh Đ chị T đã nộp xong.

5. Về án phí:

Buộc anh Hồ Hải Đ và chị Đỗ Thị Thanh T phải chịu 19.023.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Võ Thúy D được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự đã nộp 9.486.500 đồng theo biên lai thu số 0011601 ngày 14/12/2016 và 1.950.000 đồng theo biên lai thu số 0011685 ngày 12/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự

Ngày 24 tháng 10 năm 2017, anh Hồ Hải Đ và chị Đỗ Thị Thanh T kháng cáo với nội dung: Yêu cầu hủy bản án và đình chỉ xét xử vụ án vì nợ chưa đến hạn; không đồng ý việc tuyên bố 03 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 01 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng chị T, anh Đ là vô hiệu.

Ngày 24 tháng 10 năm 2017, anh Đỗ Quốc T3, chị Đỗ Thị Hoàng Y kháng cáo: Không chấp nhận việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị T, anh Đ với anh T3, chị Y là vô hiệu..

Tại phiên tòa: Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật tranh chấp; không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, chị T, anh T3, chị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý 02 quan hệ pháp luật tranh chấp. Đối với tranh chấp về ly hôn, đương sự đã rút đơn khởi kiện, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ và ra quyết định thay đổi địa vị tố tụng, nhưng cấp sơ thẩm vẫn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về nợ chung" là không đúng, cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng đúng và đầy đủ các điều luật để giải quyết vụ án nên cấp phúc thẩm không sửa án sơ thẩm, chỉ điều chỉnh lại cho đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[1.2] Xét về điều kiện khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản giữa chị D và anh Đ được lập thành văn bản với hình thức viết tay là "Giấy mượn tiền". Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy của anh Đ xác nhận văn bản này không bị sửa chữa, không bị giả mạo. Theo đó, thời gian viết giấy nợ thể hiện là ngày 15-11-2016 âm lịch, tức nhằm ngày 13-12-2016 dương lịch. Theo hồ sơ vụ án, chị D nộp đơn khởi kiện vào ngày 09-12-2016, nộp tiền tạm ứng án phí vào ngày 14-12-1016, khi nộp đơn khởi kiện tài liệu chứng cứ đính kèm là bản photocoppy giấy mượn tiền này. Qua xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy đúng với bản gốc. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-12-2016 (bút lục 81), anh Đ thừa nhận khoản tiền trên anh Đ vay của chị D từ

02 năm trước nhưng đến ngày 15-11-2016 mới viết giấy nợ; phía dưới phần nội dung giấy mượn tiền, anh Đ xác nhận thêm "Đảo có mượn chị D số tiền 374.460.000 đồng là đúng". Do đó, có cơ sở xác định, "Giấy mượn tiền" ghi ngày 15-11-2016 âm lịch được lập trước khi chị D khởi kiện; khi ghi có nhầm lẫn về ngày âm lịch và dương lịch. Cấp sơ thẩm xác định việc khởi kiện của chị D là đủ điều kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của chị T, anh Đ cho rằng nợ đối với chị D là nợ riêng của anh Đ, không phải nợ chung của vợ chồng, thấy rằng: Anh Đ và chị D là vợ chồng hợp pháp, khoản nợ vay của chị D tuy chỉ có riêng anh Đ đứng tên người vay và chỉ mình anh Đ ký tên trong giấy mượn tiền nhưng khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân; kết quả xác minh tại nơi cư trú của chị T, anh Đ xác định chị T ở nhà làm nội trợ, anh Tâm làm nghề buôn bán lúa gạo, than đá, lái xe; vợ chồng chị T, anh Đ từ trước đến nay vẫn sống chung tại nhà. Chị D làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Đ, chị T trả số tiền vay này, anh Đ chị T đã thống nhất số nợ và đồng ý chịu trách nhiệm trả cho chị D nên hai bên đã hòa giải thành, sau đó, chị T mới thay đổi ý kiến và cho rằng nợ riêng của anh Đ. Từ những căn cứ nêu trên, cấp sơ thẩm xác định khoản nợ nói trên là nợ chung của chị T, anh Đ, buộc vợ chồng chị T, anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho chị D số tiền 374.460.000 đồng là có căn cứ, đúng với quy định tại các Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét hiệu lực của các giao dịch gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4091 và số 4090 giữa anh Đ, chị T với anh T3, chị Y; văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung số 4092 được ký kết ngày 16-11-2016 vô hiệu thấy rằng: Anh Đ thừa nhận số tiền 374.460.000 đồng anh Đ vay chị D cách ngày ký "Giấy mượn tiền" khoảng 02 năm. Việc vay tiền không có tài sản bảo đảm. Đến ngày 15-12-2016, anh Đ viết giấy nợ cho chị D thì ngày 16-12-2016, anh Đ, chị T lập các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản. Theo các thỏa thuận này thì chị T, anh Đ không còn tài sản nào khác để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị D; tổng giá trị các tài sản của chị T, anh Đ giao dịch theo Kết quả thẩm định giá có giá 422.990.000 đồng, gần tương đương với nghĩa vụ mà chị T, anh Đ phải thực hiện đối với chị D. Mặt khác, các bên còn thỏa thuận giá chuyển nhượng trong hợp đồng thấp hơn gấp nhiều lần so với giá thực tế; người nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng chị T, anh Đ là chị Y, sinh năm 1987 và anh T3, sinh năm 1995 đều là em ruột của chị T. Hiện tại, anh Đ, chị T không còn tài sản nào khác để trả nợ cho chị D. Do đó, cấp sơ thẩm xác định các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị T, anh Đ với chị Y, anh T3 và văn bản thỏa thuận phân chia tải sản giữa chị T và anh Đ là giao dịch vô hiện do giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho chị D là có căn cứ, đúng với quy định tại Điều 129 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thị Thanh T, anh Đỗ Quốc T3, chị Đỗ Thị Hoàng Y.

[5] Do kháng cáo của anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thị Thanh T, anh Đỗ Quốc T3, chị Đỗ Thị Hoàng Y không được chấp nhận nên anh Đ, chị T, anh T3, chị Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308; Khoản 12 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 129, Điều 474, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 12 năm 2009; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 362/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thị Thanh T, anh Đỗ Quốc T3, chị Đỗ Thị Hoàng Y. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" của chị Võ Thúy D đối với anh Hồ Hải Đ và chị Đỗ Thị Thanh T.

Buộc anh Hồ Hải Đ và chị Đỗ Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thúy D số tiền 374.460.000 đồng (ba trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Đ, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị D đối với số tiền 5.000.000 đồng.

3. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/11/2016 giữa anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thị Thanh T với chị Đỗ Thị Hoàng Y đối với phần đất có diện tích 220,6 m^2 (ODT: 50 m^2, đất CLN: 170,6 m^2) thuộc thửa số 285, tờ bản đồ số 10, là hợp đồng vô hiệu.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/11/2016 giữa anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thị Thanh T với anh Đỗ Quốc T3 đối với phần đất có diện tích 122,9 m^2 (đất ODT: 50 m^2, đất CLN: 72,9m^2), thửa số 286, tờ bản đồ số 10, là hợp đồng vô hiệu.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/11/2016 giữa anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thị Thanh T với anh Đỗ Quốc T3 đối với phần đất có diện tích 359,2 m^2 (đất LUC: 359,2 m^2), thuộc thửa số 265, tờ bản đồ số 10, là hợp đồng vô hiệu.

Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng ngày 16/11/2016 giữa anh Hồ Hải Đ với chị Đỗ Thị Thanh T đối với phần đất có diện tích 227 m^2 (đất

ODT: 100 m^2, đất CLN: 127 m^2), thửa số 227, tờ bản đồ số 10, là giao dịch vô hiệu.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Hồ Hải Đ và chị Đỗ Thị Thanh T phải chịu 19.023.000 đồng (mười chín triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Võ Thúy D được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự đã nộp 9.486.500 đồng (chín triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu số 0011601 ngày 14/12/2016 và 1.950.000 đồng (một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0011685 ngày 12/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Đ, chị T đã nộp theo Biên lai thu số: 0012685 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh, anh Đ, chị T đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Anh Đỗ Quốc T3, và chị Đỗ Thị Hoàng Y, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, khấu trừ số tiền 600.000 đồng chị Y và anh T3 đã nộp theo các Biên lai thu số: 001286; 0012687 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh. Anh T3, chị Y đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

5. Về chi phí tố tụng khác:

Anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thị Thanh T phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí giám định. Ghi nhận anh Đ chị T đã nộp xong.

Anh Hồ Hải Đ, chị Đỗ Thị Thanh T phải trả lại cho chị D số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Gò Dầu;
- CCTHADS h. G;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai